

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2017/HS-ST

Ngày: 29/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký phiên tòa: Ông Lục Trường Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2017/QĐXXST-HS ngày 24/11/2017 đối với bị cáo:

NÔNG GIA Đ - sinh ngày 13/9/1990

HKTT: Tổ HB, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: như trên;

Dân tộc: Tày; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Nghề nghiệp:** Không; **Trình độ học vấn:** 11/12 phổ thông;

Con ông: Nông Gia B - Sinh năm 1950 (Đã chết).

Con bà: Hoàng Thị X - Sinh năm 1954;

Trú tại: Tổ HB, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vợ, con: Chưa có;

Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Tiền án: Ngày 20/01/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Tiền sự: Ngày 17/5/2017 bị Công an phường Sông Hiến xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt ngày 10/11/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng; Có mặt.

Người bị hại: Ông Đặng Đình T

Cư trú tại: Tổ HT, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Viết T

Cư trú tại: Tổ MT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Q

Cư trú tại: Tổ MT, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H

Cư trú tại: Tổ MB, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 27/10/2017, khi bị cáo Nông Gia Đ đang thực hiện hành vi trộm cắp một cuộn lưới B40 của ông Đặng Đình T để trước cửa nhà (Tại Tổ HT, phường ĐT, thành phố CB) thì bị ông T phát hiện qua camera an ninh, ông T đã điện báo cho Công an thành phố Cao Bằng đến giải quyết và chạy ra để bắt giữ, bị cáo điều khiển xe mô tô chở tài sản trộm cắp được bỏ chạy, đúng lúc có ông Hà Duy T là cán bộ Đội cảnh sát giao thông Công an thành phố Cao Bằng là hàng xóm gần nhà ông T vừa đi xe tập thể thao về, ông T gọi ông T đuổi theo bị cáo đến khu vực tổ N, phường SH thì bắt giữ được bị cáo, ngay sau đó cán bộ cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng đến và lập biên bản, thu giữ toàn bộ vật chứng. Qua quá trình lấy lời khai, bị cáo Nông Gia Đ khai nhận: Trước đó vào khoảng 11 giờ 00 ngày 27/10/2017, bị cáo Nông Gia Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển kiểm soát 11BM - 170.40 đã lấy trộm một cuộn B40 của ông Đặng Đình T và bán cho bà Nguyễn Thị H thu mua vật liệu (Tại Tổ MB, phường SH, thành phố CB) được 150.000 đồng. Đồng thời, cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ cuộn lưới B40 mà bị cáo trộm được trước đó do bà Nguyễn Thị H giao nộp.

Ngày 01/11/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 152 tiến hành định giá tài sản đối với tài sản là 02 cuộn B40 bị cáo trộm cắp được. Tại bản kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá số 43/KL-TCKH ngày 03/11/2017 kết luận: “Lưới B40 bằng kim loại, cao 1,5m, mua và sử dụng từ tháng 9/2015, thu được tang vật, khối lượng 66,5 kg, có giá trị tài sản còn lại là 299.250 đồng (Hai trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng)”.

Qua kết quả tra cứu về tiền án, tiền sự của bị cáo Nông Gia Đ cho thấy: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và một tiền sự vào ngày

17/5/2017 bị Công an phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số 26/QĐ-XPHC.

Hành vi của bị cáo Nông Gia Đ đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại Quyết định số 02/QĐ-VKS ngày 10/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã quyết định áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án hình sự “Trộm cắp tài sản” do Nông Gia Đ thực hiện hành vi.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 89/QĐ-VKSTP ngày 20/11/2017 đối với vụ án, truy tố bị cáo Nông Gia Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố: Hành vi của bị cáo Nông Gia Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như hành vi được nêu trong Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng. Đồng thời, bị cáo nhất trí với kết luận của Hội đồng định giá về giá trị tài sản trộm cắp là 299.250 đồng.

Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với người bị hại Đặng Đình T: Ông T xác nhận số tài sản bị cáo trộm cắp là của ông và quá trình điều tra ông đã nhận lại hai cuộn B40, ông T có đề nghị xét xử vắng mặt, không yêu cầu bị cáo bồi thường và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H: Bà H thừa nhận được mua một cuộn B40 với bị cáo với giá 150.000 đồng, tuy nhiên bà H không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Bà H cũng tự nguyện giao nộp tài sản đã mua với bị cáo cho cơ quan cảnh sát điều tra và bà có đề nghị tòa xét xử vắng mặt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường hay hoàn trả số tiền đã bỏ ra.

Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11BM - 170.40, qua quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên đăng ký giấy tờ mang tên ông Bùi Viết T, bị cáo Nông Gia Đ mượn chiếc xe trên với bà Nguyễn Thị Q (Là mẹ của ông T). Bà Q và ông T không hay biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe trên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Bùi Viết T, ông T đề nghị tòa xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đồng thời, bà Q cũng không có ý kiến gì bổ sung.

Vật chứng chuyển theo vụ án gồm một điện thoại di động thu giữ đối với bị cáo Nông Gia Đ nhãn hiệu NOKIA X3 màu đen có viên đồ hai bên mặt trước của điện thoại, hiện vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/11/2017. Tại phiên tòa, bị cáo Nông Gia Đ và bà Nguyễn Thị Q đều xác nhận đây là điện thoại bà Nguyễn Thị Q cho bị cáo sử dụng, nhưng hiện tại chiếc điện thoại này đã hỏng, không yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009), tuyên bố bị cáo Nông Gia Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nông Gia Đ với mức án tù từ 12 đến 18 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét do người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu. Về chiếc điện thoại, đề nghị tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng. Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đánh giá việc áp dụng thủ tục rút gọn: Trong vụ án này, bị cáo Nông Gia Đ thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang; Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; bị cáo có căn cước lai lịch rõ ràng. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử theo thủ tục rút gọn là hoàn toàn có căn cứ. Áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án này phù hợp với yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm một cách nhanh chóng, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tiết kiệm được thời gian, chi phí cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng mà vẫn đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội.

2. Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Về mặt khách quan: Khoảng 11 giờ 00 và 19 giờ 00 ngày 27/10/2017, bị cáo Nông Gia Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Đặng Đình T là hai cuộn lưới B40 để trước cửa nhà tại Tổ HT, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Tại bản kết luận về định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá số 43/KL-TCKH ngày 03/11/2017 kết luận đối với vật chứng của vụ án là 02 cuộn lưới B40 như sau: “Lưới B40 bằng kim loại, cao 1,5m, mua và sử dụng từ tháng 9/2015, thu được tang vật, khối lượng 66,5 kg, có giá trị tài sản còn lại là 299.250 đồng (Hai trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng)”.

Về mặt chủ quan: Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp khi nhìn thấy cuộn lưới B40 của ông T để trước cửa nhà không ai trông coi. Mục đích của bị cáo Nông Gia Đ trộm cắp tài sản để bán có tiền mua ma túy về sử dụng, bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Về mặt khách thể: Hành vi của bị cáo Nông Gia Đ đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu, cụ thể là quan hệ tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, bị cáo Nông Gia Đ đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo Nông Gia Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Xét về tình tiết định tội: Bị cáo Nông Gia Đ đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 299.250 đồng, tuy nhiên bị cáo Nông Gia Đ đã bị Công an phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo quyết định số 26/QĐ-XPHC ngày 17/5/2017. Tại khoản 1 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định: *"Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính"*. Như vậy, kể từ khi có quyết định xử phạt hành chính cho đến nay bị cáo chưa đủ thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù giá trị tài sản là 299.250 đồng nhưng trước đó ngày 17/5/2017 bị cáo bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt cho nên hành vi của bị cáo vẫn bị truy tố trước pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Gia Đ theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 138 - Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

3. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục hành vi vi phạm pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo có một tiền án chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm

g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thiệt hại xảy ra không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo sớm trở thành một công dân tốt, có ích, làm gương cho những người có ý định phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy, mức án Viện kiểm sát đề nghị từ 12 đến 18 tháng tù là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét mức án phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét do người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng: Qua xác minh, chiếc điện thoại bị thu giữ là của bà Nguyễn Thị Q cho bị cáo sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo và bà Q đều xác nhận chiếc điện thoại đã hỏng không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại, do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Về số tiền 150.000 đồng: Đây là số tiền bị cáo có được do bán tài sản trộm cắp, vì vậy cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nông Gia Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nông Gia Đ 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt (Ngày 10/11/2017).

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 Bộ luật hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA X3, loại trượt về phía trên, màu đen có viền đỏ hai bên mặt trước của điện thoại, đã qua sử dụng, đã hỏng, không còn sử dụng được. có số IMEL: 358282/04/026953/4. Vật chứng này hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/11/2017.

- Xử buộc bị cáo Nông Gia Đ nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Nông Gia Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người bị hại Đặng Đình T được quyền kháng cáo bản án và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Bùi Viết T được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thị hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Na